

Số: 502/TTr-BDT

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 10 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự án xây dựng diêm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 1093/UBND-ĐNMN ngày 15/03/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện đầu tư xây dựng các Dự án thuộc Chương trình định canh, định cư theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số từ nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án xây dựng diêm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng;

Ban Dân tộc tỉnh kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án xây dựng diêm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng với những nội dung sau:

I. Mô tả tóm tắt dự án.

1. Tên dự án: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng.

2. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **14.994.154.000** đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

* Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	10.773.171.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB:	1.876.665.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	212.526.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	868.577.000 đồng
- Chi phí khác:	807.791.000 đồng
- Dự phòng:	455.424.000 đồng.

3. Tên chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đơn vị thực hiện quản lý: Ban quản lý dự án 33

5. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương.

6. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016.

7. Địa điểm xây dựng: thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, Cấp IV.

9. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

9.1. Đường giao thông:

- Đường giao thông ngoại vùng:

+ Loại đường: Đường giao thông nông thôn loại B (hoặc chôn chước loại B);

+ Chiều dài tuyến: $L = 495,67\text{m}$

+ Trục xe tính toán tiêu chuẩn 2,5T

+ Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$, độ dốc ngang lề đường $i_l = 4\%$.

+ Tốc độ thiết kế: $V = 15\text{Km/h}$

+ Chiều rộng nền đường $B_n = 5,0\text{m}$; Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$;

Chiều rộng lề đường $B_l = 0,75\text{m} \times 2 = 1,5\text{m}$

+ Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

- Đường giao thông nội vùng:

+ Loại đường: Đường giao thông nông thôn loại C (hoặc chôn chước loại C);

+ Chiều dài tuyến: $L = 647,7\text{m}$

+ Trục xe tính toán tiêu chuẩn 2,5T

+ Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$,

+ Tốc độ thiết kế: $V = 10\text{Km/h}$

- + Chiều rộng nền đường $B_n = 2,0\text{m}$; Chiều rộng mặt đường $B_m = 2\text{m}$;
- + Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

9.2. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền: San nền gồm 03 khu với tổng diện tích đất san nền khoảng: 19.983m^2 (Trong đó Khu I: 2.756m^2 , Khu II: 14.324m^2 , Khu III: 2.903m^2). Tổng khối lượng đất đắp san nền 5.547m^3 , tổng khối lượng đất đào nền 42.941m^3 , tận dụng đất đào để đắp.

b. Hệ thống thoát nước dọc: Thiết kế mương hở bê tông dạng hình thang bề rộng B(400-1200) để thu nước dọc các taluy đào, dẫn thoát về điểm thấp nhất trong khu san nền và thoát ra đất tự nhiên.

c. Kè chắn: Thiết kế dạng đứng, tổng chiều dài 96m (Khu I: 50m và khu II: 46m), chiều cao kè (5-8)m, móng kè chôn trong đất (1,45-1,65)m, chiều rộng móng (3,20-4,35)m, đỉnh kè rộng 0,54m. Trên đỉnh kè thiết kế lan can an toàn cao 1,0m.

d. Gia cố mái taluy: Thực hiện gia cố các mái taluy đắp và các taluy san nền giặc cáp giữa các lô đất.

e. Mốc phân lô: Thực hiện các mốc phân lô tại vị trí góc các lô đất.

f. hệ thống cấp nước:

Nguồn cung cấp nước cho các khu dân cư được lấy từ nguồn nước tự chảy ở suối Hà Doi. Đường ống cấp nước thô sử dụng ống nhựa HDPE D63 chiều dài 330m. Đường ống từ bể xử lý đến khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D63 dài 469m.

9.3. Cấp điện:

- Đường dây 0,23Kv xây dựng mới: 1.036m;

10. Diện tích chiếm đất: Khoảng 33.607m^2 (các khu san nền).

II. Phần công việc đã thực hiện.

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt (nếu có)
1	Tư vấn khảo sát xây dựng (Giai đoạn lập BCKTKT)	Liên danh Công ty TNHH TV XD Trung Long và Công ty CP Cơ khí xây lắp An Ngãi	241.301.000	Số 2208/SXD-KTKH XD&HT ngày 26/9/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi

2	Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng dự án	Liên danh Công ty TNHH TV XD Trung Long và Công ty CP Cơ khí xây lắp An Ngãi	296.980.111	Số 2208/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi
3	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Bản vẽ thi công và dự toán (cơ quan QLNN)	Sở Xây dựng; Sở GTVT; Sở Công thương.	53.134.108	Số 2208/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi
Tổng cộng giá trị thực hiện, giá hợp đồng (làm tròn): 591.415.000 đồng				

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

Bảng số 2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Quản lý dự án	Ban quản lý DA 33	212.525.930
2	Bồi thường GPMB	Trung tâm TPQĐ tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh huyện Trà Bồng	1.876.665.320
3	Thẩm định HSMT, HSĐT		10.773.171
4	Thẩm tra quyết toán	Sở Tài chính	47.096.638
5	Dự phòng		455.424.661
Tổng cộng giá trị thực hiện (làm tròn):			2.602.486.000

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Bảng số 3

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
----	--------------	---------------------	-----------	-----------------------------	-------------------------------	---	---------------	------------------------------

1	Gói thầu số 01: Lập HSMT và phân tích đánh giá HSĐT	23.700.975	Vốn ngân sách Trung ương	Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	30 ngày
2	Gói thầu số 02: Trích đo bản đồ địa chính	66.513.000		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	40 ngày
3	Gói thầu số 03: Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	71.123.000		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	30 ngày
4	Gói thầu số 04: Giám sát thi công xây dựng + thiết bị	240.081.426		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	Theo tiến độ thi công
5	Gói thầu số 05: Toàn bộ phần thi công xây dựng các hạng mục dự án (<i>Bao gồm chi phí thiết bị, hạng mục chung và chi phí nghiệm thu hệ thống điện</i>)	11.127.825.154		Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2016	Trọn gói	210 ngày (7 tháng)
6	Gói thầu số 06: Bảo hiểm công trình	113.755.350		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	Từ ngày khởi công đến hết thời gian bảo hành công trình
7	Gói thầu số 07: Kiểm toán công trình	155.099.529		Chỉ định thầu		Quý I/2017	Trọn gói	60 ngày
Tổng cộng giá các gói thầu (làm tròn)		11.798.098.000						

2. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:

Căn cứ vào tính chất công việc, quy mô và vị trí xây dựng công trình để đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật, công nghệ của dự án. Việc phân chia dự án thành các gói thầu như trên căn cứ vào tính chất của từng hạng mục công việc có

tính độc lập với nhau, bảo đảm khi tổ chức đấu thầu và thực hiện hợp đồng phù hợp với tiến độ dự án.

b) Giá gói thầu: 11.798.098.000 đồng

c) Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu

Đối với gói thầu số 01,02,03,04,06 và 07 là những gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thông thường, có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng nên áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Đối với gói thầu số 05 là gói thầu xây dựng, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng nên áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, phương thức lựa chọn nhà thầu 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2016

e) Loại hợp đồng: Trọn gói

g) Thời gian thực hiện hợp đồng: 2016

V. Tổng giá trị các phần công việc:

TT	Nội dung công việc	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	591.415.000
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	2.602.486.000
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	11.798.098.000
Tổng giá trị các phần công việc		14.991.999.000
Tổng mức đầu tư của công trình		14.994.154.000

VI. Kiến nghị.

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng để Ban Dân tộc tiến hành triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Ban QLDA 33;
- Lưu VT.

